

TÌM HIỂU CÁC CHỈ SỐ MUỖI AEDES VÀ KIẾN THỨC THÁI ĐỘ, THỰC HÀNH VỀ PHÒNG CHỐNG MUỖI TRUYỀN Sốt XUẤT HUYẾT CỦA NGƯỜI DÂN XÃ THUY XUÂN HUYỆN THÁI THUY, TỈNH THÁI BÌNH NĂM 2021

TÓM TẮT

Trần Thị Tình^{1*}, Nguyễn Hải Tiến¹, Phạm Thị Huyền¹

DISTRICT, THAI BINH PROVINCE IN 2021

ABSTRACT

Objective: Description of Aedes mosquito indices and knowledge, attitudes and practices of dengue fever mosquito prevention among people in Thuy Xuan commune, Thai Thuy district, Thai Binh province, 2021.

Subject and method: The study was conducted using a cross-sectional descriptive method: for Aedes larvae and adult mosquitoes, samples were collected from 50 and 30 households, respectively; for knowledge, attitudes and practices, interviews were conducted with representatives of 385 households present at the time of the interview.

Results: The mosquito species composition in the genus Aedes has only one species, Aedes albopictus. The mosquito indices for the Aedes albopictus species were determined as follows: houses with mosquitoes 23.3%; mosquito density: 0.27 individuals/house; houses with larvae: 18.0%; containers with larvae: 7.1%; Breteau: 24. Both the mosquito density index and the mosquito-infested house index were lower than the dengue fever outbreak risk index recommended by the Ministry of Health for the northern provinces. The index for houses with mosquito larvae was at a low level, while the Breteau index was higher than the risk level given by the Ministry of Health. The results of interviews with 385 subjects showed that: the proportion of people with correct knowledge was 56.9%; the average score was 11.8 ± 1.7 on a 17-point scale; the proportion of people with correct attitudes was 59.7%; the average score was 13.7 ± 1.7 on a 20-point scale; the proportion of people with correct practices was 26.8%, the average score was 5.1 ± 1.8 on a 9-point scale.

Conclusion: People's knowledge, attitude and practice in preventing dengue fever-transmitting mosquitoes are still inadequate.

Keywords: Aedes mosquitoes, knowledge, attitudes, practices, dengue fever

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Một nghiên cứu tổng quan về các bệnh truyền nhiễm mới nổi gần đây cho thấy trong 50 năm qua,

Mục tiêu: Mô tả các chỉ số muỗi Aedes và kiến thức, thái độ và thực hành phòng chống muỗi truyền sốt xuất huyết của người dân xã Thụy Xuân, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, năm 2021.

Phương pháp: Nghiên cứu thực hiện theo phương pháp mô tả cắt ngang: đối với bọ gậy và muỗi Aedes trưởng thành, điều tra thu thập mẫu vật tại lần lượt 50 và 30 hộ gia đình; đối với kiến thức, thái độ và thực hành, điều tra bằng phỏng vấn đại diện 385 hộ gia đình có mặt trong thời điểm phỏng vấn.

Kết quả: Thành phần loài muỗi trong chi Aedes chỉ có một loài là Aedes albopictus. Các chỉ số muỗi đối với loài Aedes albopictus được xác định là: nhà có muỗi 23,3%; mật độ muỗi: 0,27 con/nhà; nhà có bọ gậy: 18,0 %; vật chứa có bọ gậy: 7,1%; Breteau: 24. Hai chỉ số mật độ muỗi và nhà có muỗi đều thấp hơn so với chỉ số mật độ muỗi nguy cơ xảy ra dịch SXHD theo khuyến cáo của Bộ Y tế đối với các tỉnh khu vực miền Bắc, chỉ số nhà có bọ gậy là ở mức thấp, chỉ số Breteau cao hơn so với mức nguy cơ mà Bộ Y tế đưa ra. Kết quả phỏng vấn 385 đối tượng cho thấy: tỷ lệ người dân có kiến thức đúng chiếm 56,9% ; điểm trung bình đạt $11,8 \pm 1,7$ trên thang 17 điểm; tỷ lệ người dân có thái độ đúng chiếm 59,7%; điểm trung bình đạt $13,7 \pm 1,7$ trên thang 20 điểm; tỷ lệ người dân có thực hành đúng chiếm 26,8%, điểm trung bình đạt $5,1 \pm 1,8$ trên thang 9 điểm.

Kết luận: Kiến thức, thái độ, thực hành trong phòng chống muỗi truyền sốt xuất huyết của người dân còn thấp

Từ khóa: muỗi Aedes, kiến thức, thái độ, thực hành, sốt xuất huyết

STUDYING AEDES MOSQUITO INDICATORS AND KNOWLEDGE, ATTITUDES AND PRACTICES ON PREVENTION OF MOSQUITOES TRANSMITTING DENGUE FEVER OF PEOPLE IN THUY XUAN COMMUNE, THAI THUY

1. Trường Đại học Y Dược Thái Bình

*Tác giả liên hệ: Trần Thị Tình

Email: tinhhtydtb@gmail.com

Ngày nhận bài: 4/3/2025

Ngày phản biện: 22/5/2025

Ngày duyệt bài: 25/5/2025

số bệnh nhân sốt xuất huyết đã tăng 30 lần trên toàn thế giới. Mỗi năm trung bình có 390 triệu ca nhiễm sốt xuất huyết Dengue (SXHD) mới, 96 triệu (25%) có biểu hiện triệu chứng, 500.000 người mắc sốt xuất huyết nặng và cần nhập viện với tỷ lệ tử vong 2,5%. Từ nhiều năm nay, bệnh sốt xuất huyết là bệnh lưu hành ở Việt Nam và có mặt ở hầu hết các tỉnh thành. Sốt xuất huyết vẫn là gánh nặng lớn cho hệ thống y tế tại nước ta với số ca ghi nhận trung bình là 50.000 đến 100.000 ca mắc/năm trong giai đoạn 2010-2015. Năm 2017 Việt Nam xảy ra vụ dịch sốt xuất huyết lớn với 32 ca chết trên tổng số 181.741 trường hợp mắc đã được báo cáo [1]. Theo Tổ chức Y tế thế giới, từ tuần 1 đến tuần 50 năm 2019 ở Việt Nam có 320.702 trường hợp mắc đã được báo cáo, trong đó tử vong 54 trường hợp, cao gấp 2,5 lần cùng kỳ năm 2018 với 126.682 trường hợp mắc với 17 ca tử vong [2].

Thái Bình là một tỉnh thuộc đồng bằng châu thổ Bắc Bộ, cũng thuộc khu vực phân bố của muỗi Aedes, trong đó vai trò chủ yếu trong truyền bệnh SXHD thuộc về hai loài A. aegypti và A. albopictus. Theo số liệu của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Bình [3], trong những năm gần đây, có nhiều ca bệnh sốt xuất huyết rải rác trong tỉnh. Năm 2014 có 5 trường hợp dương tính với virus dengue, năm 2015 có 68 trường hợp dương tính với virus dengue, năm 2016 có 14 trường hợp dương tính với virus dengue, năm 2017 có 344 ca dương tính với virus dengue, trong đó có 85 trường hợp nội sinh, năm 2018 có 12 ca dương tính với virus dengue và có 1 trường hợp nhiễm virus dengue nội sinh. Thực tế này khẳng định có sự lan truyền sốt xuất huyết do muỗi tại địa phương.

Do chưa có vắc xin và thuốc điều trị đặc hiệu, dịch sốt xuất huyết được kiểm soát nhờ vào sự kiểm soát trung gian truyền bệnh, bao gồm kiểm soát bọ gây muỗi và muỗi trưởng thành. Việc này cần có sự tham gia của cộng đồng mà vai trò chủ yếu là các chủ hộ gia đình, vì thế việc nghiên cứu về kiến thức, thái độ, thực hành của người dân là hết sức cần thiết.

Chúng tôi đã chọn xã Thụy Xuân, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình làm địa điểm triển khai nghiên cứu vì gần đây (năm 2017) địa điểm này đã xảy ra vụ dịch sốt xuất huyết và bằng phương pháp PCR đã xác định được 15 trường hợp dương tính với virus gây bệnh sốt xuất huyết có nguồn gốc nội sinh trên tổng số 93 trường hợp biểu hiện lâm sàng chứng tỏ sự hiện diện của virus Dengue và vector truyền bệnh [3]. Vì vậy, chúng tôi tiến hành nghiên cứu này với mục tiêu: mô tả các chỉ số muỗi Aedes và kiến thức, thái độ và thực hành phòng chống

muỗi truyền sốt xuất huyết của người dân xã Thụy Xuân, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, năm 2021.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng, thời gian và địa điểm nghiên cứu

Thực hiện điều tra muỗi ở 30 hộ gia đình và điều tra bọ gây ở 50 hộ gia đình, phỏng vấn đại diện 385 hộ gia đình về kiến thức, thái độ và thực hành phòng chống muỗi truyền sốt xuất huyết tại xã Thụy Xuân, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình từ tháng 2/2021 đến tháng 6/2021.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu thực hiện theo phương pháp mô tả cắt ngang

Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu:

Cỡ mẫu:

Số lượng hộ gia đình điều tra để xác định các chỉ số muỗi được tham khảo từ tài liệu “Hướng dẫn giám sát và phòng chống bệnh sốt xuất huyết Dengue” của Bộ Y tế [10]. Trong thực tế chúng tôi đã thực hiện điều tra muỗi ở 30 hộ gia đình và điều tra bọ gây ở 50 hộ gia đình.

Số lượng hộ gia đình điều tra để thực hiện phỏng vấn tính theo công thức:

$$n = \frac{Z^2 (1 - \alpha/2) \cdot p(1-p)}{d^2}$$

Trong đó: n là cỡ mẫu tối thiểu cần điều tra; $Z(1 - \alpha/2) = 1,96$ giá trị được tính dựa trên mức ý nghĩa thống kê $\alpha = 5\%$; $d = 0,05$ là sai số chấp nhận giữa tỷ lệ thu được trong nghiên cứu và tỷ lệ thực trong cộng đồng, $p = 0,503$ là tỷ lệ người dân có kiến thức đúng về phòng chống SXHD, được tham khảo từ kết quả nghiên cứu của Nguyễn Thị Minh Ngọc năm 2018 tại xã An Thái, huyện An Lão, Hải Phòng năm 2018 [7]. Kết quả tính được số hộ gia đình cần điều tra là 385. Kết quả thực tế tại xã Thụy Xuân đã điều tra được 385 người đại diện cho 385 hộ gia đình.

2.3. Phương pháp chọn mẫu:

Trong nghiên cứu này, chúng tôi áp dụng phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên hệ thống. Chọn 30 hộ điều tra muỗi, 50 hộ điều tra bọ gây muỗi, 385 người cho mục đích phỏng vấn

2.4. Phương pháp thu thập số liệu:

Phương pháp điều tra vật chứa nước, muỗi và bọ gây dựa vào “Hướng dẫn giám sát và phòng chống bệnh sốt xuất huyết Dengue” ban hành kèm theo Quyết định số 3711/QĐ-BYT ngày 19/9/2014 của Bộ Y tế [10]. Phương pháp thu thập số liệu về kiến thức, thái độ và thực hành của người dân thông

qua phỏng vấn trực tiếp các đối tượng thông qua bộ câu hỏi được nhóm nghiên cứu tự thiết kế

2.5. Các biến số nghiên cứu và tiêu chuẩn đánh giá:

Các biến số về muỗi *Aedes* trưởng thành và bọ gậy muỗi *Aedes* được tính riêng cho từng loài, công thức được sử dụng theo “Hướng dẫn giám sát và phòng chống bệnh sốt xuất huyết Dengue” của Bộ Y tế (2014) [10]. Các biến số kiến thức, thái độ, thực hành được đánh giá theo hai mức “đạt” và “không đạt” tham khảo từ phương pháp nghiên cứu của Nguyễn Văn Đọc và Vũ Thị Thơm, trong đó nếu số điểm bằng 70% khung điểm tối đa được

coi là “đạt”, số điểm nhỏ hơn 70% được xếp vào mức “không đạt” [6], [8].

Phân tích và xử lý số liệu: Sử dụng phần mềm Epidata 3.1, phần mềm SPSS 20

2.6. Đạo đức trong nghiên cứu

Nghiên cứu được sự thông qua của Hội đồng xét duyệt đề cương đề tài nghiên cứu cấp cơ sở của Trường Đại học Y Dược Thái Bình (Số 1024/QĐ-YDTB), sự cho phép của chính quyền và cơ sở y tế địa phương, sự đồng ý tham gia của các đối tượng điều tra phỏng vấn. Mọi thông tin cá nhân của đối tượng phỏng vấn được giữ bí mật khi công bố kết quả nghiên cứu.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Bảng 1. Thành phần loài thuộc chi *Aedes* tại xã Thụy Xuân

TT	Tên loài	Số nhà điều tra	Muỗi <i>Aedes</i> cái (con)	Bọ gậy <i>Aedes</i> (con)
1	<i>Aedes aegypti</i>	30	0	0
2	<i>Aedes albopictus</i>	30	8	127
	Chung	30	8	127

Kết quả bảng 1 cho thấy đã thu thập được 8 muỗi cái trưởng thành và 127 bọ gậy trong tổng số 30 nhà điều tra. Các muỗi trưởng thành và bọ gậy thu thập được chỉ thuộc về một loài là *Aedes albopictus*. Không tìm thấy muỗi *Aedes aegypti* trưởng thành và bọ gậy của chúng.

Bảng 2. Chỉ số nhà có muỗi *Aedes* ở xã Thụy Xuân

Loài muỗi	Số nhà điều tra	Số nhà có muỗi	Chỉ số nhà có muỗi (%)
<i>Aedes aegypti</i>	30	0	0,0%
<i>Aedes albopictus</i>	30	7	23,3%
Chung	30	7	23,3%

Kết quả bảng 2 cho thấy chỉ số nhà có muỗi tính cho loài *Aedes albopictus* là 23,3%. Kết quả này là không cao so với mức nguy cơ 50% mà Bộ Y tế khuyến cáo. Không thu thập được muỗi *Aedes aegypti* nên chỉ số nhà có muỗi *Aedes aegypti* bằng 0,0%.

Bảng 3. Chỉ số mật độ muỗi *Aedes* tại xã Thụy Xuân

Loài muỗi	Số nhà điều tra	Số muỗi bắt được	Chỉ số mật độ muỗi (con/nhà)
<i>Aedes aegypti</i>	30	0	0,0
<i>Aedes albopictus</i>	30	8	0,27
Chung	30	8	0,27

Kết quả bảng 3 cho thấy mật độ muỗi *Aedes albopictus* là 0,27 con/nhà.

Bảng 4. Thành phần vật chứa nước ở các hộ gia đình xã Thụy Xuân

Số TT	Loại vật chứa	Số lượng vật chứa điều tra (n=168)	Tỷ lệ (%)
1	Téc	52	31,0
2	Bể nước	36	21,4
3	Chum vại	13	7,7
4	Xô, thùng	11	6,5
5	Thùng phi	4	2,4
6	Bể cảnh	12	7,1

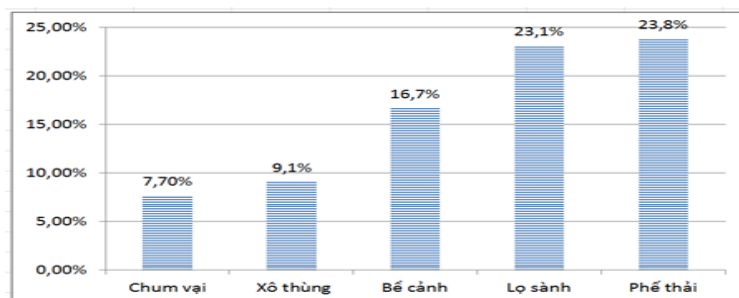
Số TT	Loại vật chứa	Số lượng vật chứa điều tra (n=168)	Tỷ lệ (%)
7	Lọ sành	13	7,7
8	Lọ hoa	1	0,6
9	Phế thải	21	12,5
10	Lốp xe	2	1,2
11	Giếng khơi	3	1,8
	Cộng	168	100,0

Kết quả bảng 4 cho thấy điều tra 50 hộ gia đình về thành phần vật chứa nước có khả năng là ổ sinh sản của muỗi Aedes ở xã Thụy Xuân có 168 vật chứa nước được điều tra thuộc về 11 loại. Trong đó tỷ lệ cao nhất thuộc về tét nước (31,8%), rồi đến bể nước (21,4%), các vật phế thải đọng nước (12,5%), chum vại (7,7%), lọ sành (7,7%), bể cảnh (7,1%), xô thùng (6,5%), thùng phi (2,4%), giếng khơi (1,8%), lốp xe (1,2%) và lọ hoa (0,6%).

Bảng 5. Một số chỉ số với bọ gậy ở xã Thụy Xuân

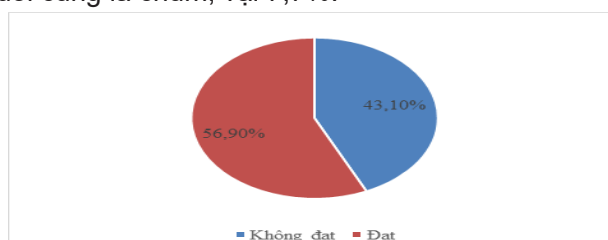
Loài muỗi	Aedes aegypti		Aedes albopictus		Aedes chung	
	SL	%	SL	%	SL	%
Chỉ số nhà có bọ gậy (n=50)	0	0	9	18,0	9	18,0
Chỉ số vật chứa có bọ gậy (n=168)	0	0	12	7,1	12	7,1
Chỉ số Breteau (n=50)	0	0	12	24,0	12	24,0

Kết quả bảng 5 cho thấy chỉ số nhà có bọ gậy muỗi Aedes albopictus là 18,0%, tỷ lệ vật chứa có bọ gậy muỗi Aedes albopictus là 7,1% và chỉ số Breteau là 24.



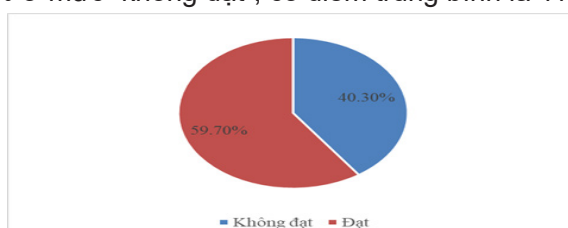
Hình 1. Tỷ lệ nhiễm bọ gậy của từng loại vật chứa

Kết quả điều tra 50 hộ gia đình cho thấy, có 5 loại vật chứa nhiễm bọ gậy, trong đó tỷ lệ nhiễm bọ gậy xếp theo thứ tự từ cao đến thấp là: cao nhất là vật phế thải 23,8%; sau đó là lọ sành 23,1%; bể cảnh 16,7%; xô, thùng 9,1%; và cuối cùng là chum, vại 7,7%.



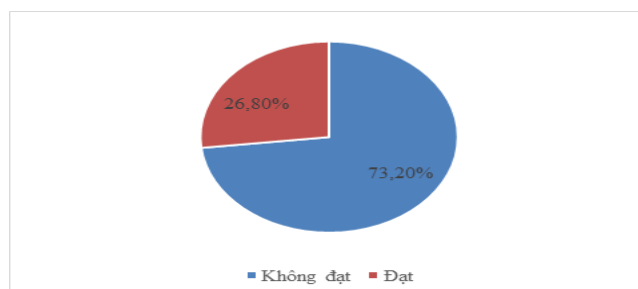
Hình 2. Thực trạng kiến thức chung của người dân xã Thụy Xuân về phòng chống muỗi truyền SXHD

Kết quả phân tích kiến thức chung về phòng chống muỗi SXHD trình bày ở hình 2 với điểm tối đa là 17, có 56,9% ở mức “đạt”; 43,1% ở mức “không đạt”, có điểm trung bình là $11,8 \pm 1,7$.



Hình 3. Thực trạng thái độ của người dân xã Thụy Xuân về phòng chống muỗi truyền SXHD

Kết quả hình 3 phân tích về thực trạng thái độ của người dân trong phòng chống muỗi SXHD với số điểm tối đa là 20, tỷ lệ “đạt” chiếm 59,7%; tỷ lệ “không đạt” chiếm 40,3%, trung bình $13,7 \pm 1,7$ trên thang điểm 20.



Hình 4. Thực trạng thực hành của người dân xã Thụy Xuân về phòng chống muỗi truyền SXHD

Kết quả hình 4 phân tích về thực trạng thực hành của người dân trong phòng chống muỗi SXHD với số điểm tối đa là 9, kết quả có 103 người có số điểm từ 7 trở lên và thuộc mức “đạt”, chiếm 26,8%; 282 người có số điểm từ 6 trở xuống, chiếm 73,2% và ở mức “không đạt”.

IV. BÀN LUẬN

Về thành phần loài muỗi trong chi *Aedes*, điều tra chỉ tìm thấy muỗi trưởng thành thuộc loài *Aedes albopictus*, không thấy sự có mặt của muỗi *Aedes aegypti*. Kết quả này cũng phù hợp với nghiên cứu của Lê Việt Hà và cộng sự năm 2018 tại xã Vũ Chính, thành phố Thái Bình [9]. Kết quả nghiên cứu ở Thụy Xuân cũng tương tự với kết quả nghiên cứu của Nguyễn Thị Mai Anh năm 2016 [4] ở xã Đại Áng, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội. Ở xã Đại Áng, Nguyễn Thị Mai Anh và cộng sự cũng chỉ thu thập được mẫu muỗi trưởng thành và bọ gậy của chỉ một loài *Aedes albopictus*, không tìm thấy muỗi trưởng thành và bọ gậy của loài *Aedes aegypti*.

Về thực trạng các chỉ số muỗi *Aedes albopictus* ở Thụy Xuân, hai chỉ số muỗi là chỉ số mật độ muỗi 0,27 con/nhà, chỉ số nhà có muỗi 13,3% đều thấp hơn khi so sánh với chỉ số mật độ muỗi nguy cơ xảy ra dịch SXHD theo khuyến cáo của Bộ Y tế (tương ứng là 0,5 con/nhà và 50%) đối với các tỉnh khu vực miền Bắc [10]. Kết quả nghiên cứu về bọ gậy ở 50 hộ gia đình xã Thụy Xuân cho thấy chỉ số nhà có bọ gậy 18,0% là ở mức thấp, tuy nhiên chỉ số Breteau lại là 24, cao hơn so với mức nguy cơ mà Bộ Y tế đưa ra là 20 [10].

Các chỉ số mật độ muỗi và chỉ số nhà có muỗi còn thấp ở thời điểm này là phù hợp do thời gian điều tra vào đầu mùa muỗi phát triển, chưa phải là thời gian đỉnh của các chỉ số muỗi. Tuy nhiên, chỉ số Breteau là 24 ở đây cao hơn mức nguy cơ 20 mà Bộ Y tế khuyến cáo cho khu vực Miền Bắc [10] do trước thời gian điều tra có nhiều ngày có mưa, tích nước vào các vật chứa và đọng nước, tạo điều kiện cho trứng muỗi tại các dụng cụ chứa đọng nước bắt đầu nở. Những trứng muỗi có thể tồn tại ở bề mặt

trong của các vật chứa với thời gian khá lâu để có thể vượt qua thời kỳ khô hạn dài. Khi có nước một số trứng tiếp xúc với nước sẽ nở ra bọ gậy. Chỉ số Breteau cao ở thời điểm này cho thấy nguy cơ phát triển quần thể muỗi trong thời gian tới.

Về kiến thức chung điểm trung bình là $11,8 \pm 1,7$ điểm trên thang 17 điểm, tỷ lệ người ở mức “đạt” khoảng 56,9%; vẫn còn tới 43,1% ở mức “không đạt”. Kết quả này cho thấy nhận thức không đồng đều về các khía cạnh khác nhau của kiến thức phòng chống SXHD của người dân Thụy Xuân.

Tỷ lệ đạt về kiến thức của người dân Thụy Xuân (56,9%) là cao hơn khi so sánh với tỷ lệ này (50%) ở xã Bình Thành huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp năm 2006 trong nghiên cứu của Lê Thị Thanh Hương và cộng sự [5], khác biệt này là có ý nghĩa thống kê ($p=0,035 < 0,05$). Mức đạt 56,9% về kiến thức của người dân xã Thụy Xuân tương đương với mức đạt (50,3%) của người dân xã An Thái, huyện An Lão, Hải Phòng trong nghiên cứu của Nguyễn Thị Minh Ngọc [7] và cộng sự ($p = 0,063 > 0,05$).

Tỷ lệ đạt về thái độ trong phòng chống SXHD của người dân xã Thụy Xuân (59,7%) không có sự khác biệt thống kê so với tỷ lệ đạt về thái độ 57% trong nghiên cứu trên 600 hộ gia đình của Lê Thị Thanh Hương và cộng sự [5] tại xã Bình Thành, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp năm 2006 ($p = 0,395 > 0,05$) và cũng không có khác biệt có ý nghĩa khi so với tỷ lệ đạt về thực hành 61,5% trong nghiên cứu của Nguyễn Thị Minh Ngọc và cộng sự [7] tại xã An Thái, huyện An Lão, tỉnh Hải Phòng, năm 2018 với số lượng người điều tra là 400 ($p = 0,614 > 0,05$).

Tỷ lệ đạt về thực hành của người dân xã Thụy Xuân (26,5%) không có sự khác biệt thống kê so

với tỷ lệ đạt về thực hành 26% trong nghiên cứu trên 600 hộ gia đình của Lê Thị Thanh Hương và cộng sự [5] tại xã Bình Thành, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp năm 2006 ($p = 0,793 > 0,05$) và cũng không có khác biệt có ý nghĩa khi so với tỷ lệ đạt về thực hành 23,3% trong nghiên cứu của Nguyễn Thị Minh Ngọc và cộng sự [7] tại xã An Thái, huyện An Lão, tỉnh Hải Phòng, năm 2018 với số lượng người điều tra là 400 ($p = 0,257 > 0,05$).

Qua phân tích cho thấy tỷ lệ mức đạt chung về kiến thức (56,9%) và thái độ (59,7%) tốt hơn so với thực hành (26,8%). Điều này có nghĩa là người dân có thể hiểu biết và có thái độ đúng nhưng sự chuyển biến hiểu biết và thái độ đó ra thực hành còn có những hạn chế.

V. KẾT LUẬN

Thành phần loài muỗi trong chi Aedes chỉ có một loài là Aedes albopictus. Các chỉ số muỗi đối với loài Aedes albopictus được xác định là: nhà có muỗi 23,3%; mật độ muỗi: 0,27 con/nhà; nhà có bọ gậy: 18,0 %; vật chứa có bọ gậy: 7,1%; Breteau: 24. Hai chỉ số mật độ muỗi và nhà có muỗi đều thấp hơn so với chỉ số mật độ muỗi nguy cơ xảy ra dịch SXHD theo khuyến cáo của Bộ Y tế đối với các tỉnh khu vực miền Bắc, chỉ số nhà có bọ gậy là ở mức thấp, chỉ số Breteau cao hơn so với mức nguy cơ mà Bộ Y tế đưa ra. Kết quả phỏng vấn 385 đối tượng cho thấy: tỷ lệ người dân có kiến thức đúng chiếm 56,9% ; điểm trung bình đạt $11,8 \pm 1,7$ trên thang 17 điểm; tỷ lệ người dân có thái độ đúng chiếm 59,7%; điểm trung bình đạt $13,7 \pm 1,7$ trên thang 20 điểm; tỷ lệ người dân có thực hành đúng chiếm 26,8%, điểm trung bình đạt $5,1 \pm 1,8$ trên thang 9 điểm.

VI. KHUYẾN NGHỊ

Về muỗi Aedes albopictus cần có những nghiên cứu tiếp theo để xác định vai trò của muỗi Aedes albopictus trong truyền bệnh SXHD ở Thái Bình. Về kiến thức, thái độ, thực hành của người dân nói chung còn thấp nên cần có những nghiên cứu để đưa ra các giải pháp để cải thiện các vấn đề đó trong thời gian tới, nhất là vấn đề thực hành phòng chống SXHD của người dân.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Vũ Thượng, Nguyễn Thị Huyền Trang, Phạm Duy Quang và cộng sự. (2017). Tổng quan các bệnh mới nổi. Tạp chí Y học dự phòng, 27, số 11-2017, 19-26.
2. World Health Organization (WHO). (2020). Dengue Situation Update, WHO, Number 588.
3. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Bình, Báo cáo bệnh truyền nhiễm, 2018.
4. Nguyễn Thị Mai Anh, Nguyễn Nhật Cẩm, Trần Thị Tuyết Hạnh và cộng sự. (2016). So sánh quần thể muỗi Aedes tại điểm thường xuyên có ổ dịch và điểm chưa ghi nhận ổ dịch sốt xuất huyết Dengue trên địa bàn Hà Nội, 2016. Tạp chí Y học Dự phòng, tập XXVI, số 7(180) 2016, 129.
5. Lê Thị Thanh Hương, Trần Văn Hai, Nguyễn Công Cửu và cộng sự. (2006), Kiến thức, thái độ, thực hành về phòng chống sốt xuất huyết của người dân xã Bình Thành, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Tạp chí Y tế công cộng, 12-2007, số 9(9), 24-30.
6. Nguyễn Văn Đốc, Nguyễn Thanh Dân. (2017). Chỉ số côn trùng và kiến thức, thái độ, thực hành phòng chống sốt xuất huyết của người dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau năm 2014. Tạp chí Y học dự phòng, tập 27, số 11-2017, 57-63.
7. Nguyễn Thị Minh Ngọc, Phạm Thị Vân Anh, Nguyễn Thái Bình và cộng sự. (2018). Kiến thức, thái độ và thực hành về phòng chống sốt xuất huyết dengue của người dân tại xã An Thái, huyện An Lão, Hải Phòng năm 2018. Tạp chí Y học dự phòng, Tập 28, số 9-2018, 225-234.
8. Vũ Thị Thơm, Trịnh Thị Lộc, Nguyễn Thị Thắm, Nguyễn Quang Hùng. (2019). Thực trạng kiến thức, thực hành phòng chống bệnh sốt xuất huyết dengue của người dân phường Đằng Giang, Ngô Quyền, Hải Phòng năm 2019. Tạp chí Y học Dự phòng, tập 31, số 1, 2021, 181-188.
9. Lê Việt Hà, Hà Xuân Anh, Phạm Thị Loan và cs. (2018). Ổ bọ gậy nguồn của muỗi Aedes tại xã Vũ Chính, thành phố Thái Bình, năm 2018. Tạp chí Y học Dự phòng, tập 472, số đặc biệt, 2018, 844-849.
10. Bộ Y tế. (2014). Hướng dẫn giám sát và phòng chống bệnh sốt xuất huyết Dengue. Ban hành kèm theo Quyết định số 3711/QĐ-BYT ngày 19/9/2014, Hà Nội 2014, 1- 9.